

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ANH VĂN CƠ BẢN 2

1. Khoa: Ngoại Ngữ

2. Thông tin chung về giảng viên:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học hàm, học vị	Nơi tốt nghiệp	Chuyên môn	Giảng chính thức, kiêm chức	Điện thoại, e-mail
1.	Nguyễn Hạnh Vân	1966	Trưởng khoa, Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng viên chính thức	
2.	Đào Hồng Lam	1979	Phó trưởng khoa, Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
3.	Quản Thị Hoàng Anh	1980	Phó trưởng khoa, Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
4.	Hoàng Thị Hương Giang	1976	Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
5.	Trần Thị Thu Trang	1978	Thạc sĩ	Đại học dân lập Đông Đô	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
6.	ĐặngThị Hiền	1978	Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
7.	Lê Thị Mùi Hà	1979	Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
8.	Hồ Thị Tam	1979	Thạc sĩ	Viện đại học mở HN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
9.	Nguyễn Thị Vân	1983	Phó bộ môn tiếng Anh cơ bản,Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	

10.	Hoàng Văn Thắng	1983	Phó bộ môn tiếng Anh chuyên ngành, Thạc sĩ	Đại học Thái Nguyên	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
11.	Đỗ Thị Thời	1983	Thạc sĩ	Viện đại học mở HN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
12.	Nguyễn Thị Bốn	1988	Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
13.	Nguyễn Thị Thảo	1989	Thạc sĩ	Đại học Ngoại Ngữ-ĐHQGHN	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
14.	Đinh Thị Luyện	1990	Thạc sĩ	Đại học Thương mại	Tiếng Anh	Giảng chính thức	
15.	Ninh						
16.							

3. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Anh văn cơ bản học phần II
- Mã học phần: 007011
- Số tín chỉ: 3 (45 tiết)
- Điều kiện tiên quyết: sinh viên phải có kiến thức cơ bản về Anh văn giao tiếp ở học phần 1

4. Đối tượng áp dụng:

- Ngành học: sinh viên năm thứ hai
- Trình độ đại học
- Hệ đào tạo: Chính quy

5. Mục tiêu của học phần:

5.1 Kiến thức: sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ pháp và các tình huống giao tiếp gần gũi với cuộc sống để có thể áp dụng vào giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

5.2 Kỹ năng

- *Kỹ năng cứng:* sinh viên được rèn các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh cùng với các kỹ năng xử lý các bài tập ngữ pháp trong quá trình học và thi. Những kỹ năng này sẽ làm nền tảng để sinh viên có thể tiếp tục học ở những học phần cao hơn hoặc tiếng Anh học thuật.

- *Kỹ năng mềm:* Sinh viên có được cái nhìn tổng quan về văn hoá giao tiếp cũng như các kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người nước ngoài. Sinh viên bước đầu được rèn luyện các kỹ năng

làm việc theo nhóm, chia sẻ quan điểm và hợp tác, giúp đỡ nhau trong học tập. Sinh viên làm quen với các kỹ năng phát biểu và trình bày trước đám đông.

5.3. Thái độ

- Thông qua các bài học ngôn ngữ sinh viên được tiếp xúc với các tình huống giao tiếp từ đó giúp hình thành các hành vi ứng xử văn minh trong trường học cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

- Giúp hình thành ý thức trách nhiệm, đạo đức, tác phong linh hoạt và thái độ tích cực trong cuộc sống.

- Góp phần nâng cao hiểu biết và cập nhật kiến thức tổng quan về hầu hết các lĩnh vực cơ bản trong cuộc sống.

6. Tóm tắt nội dung của học phần

Là một giáo trình mới được đưa vào giảng dạy tại trường, dành cho sinh viên năm thứ hai, hệ đại học, giáo trình *New English File – Pre-intermediate* cập nhật nhiều kiến thức mới trong cuộc sống. Giáo trình *New English File – Pre-intermediate* được thiết kế khá gần gũi với các hoạt động sinh hoạt hàng ngày như gia đình, bạn bè, nhà hàng, sân bay,..... Với thiết kế và nội dung phong phú, phản ánh được nhiều góc độ và màu sắc của cuộc sống hiện đại, ngoài việc cung cấp ngữ liệu và các hiện tượng ngữ pháp phức tạp hơn so với giáo trình *New English File- elementary*, giáo trình *New English File- Pre- intermediate* còn góp phần mang lại cho người đọc những hiểu biết về tác phong ứng xử văn minh, lịch sự nơi công cộng cũng như trong ứng xử tại nơi làm việc ở trình độ giao tiếp cao hơn, đòi hỏi người học phải có các kỹ năng ngôn ngữ tốt hơn và tinh tế hơn. Từ các bài học trong giáo trình, sinh viên sẽ tự xây dựng được cho mình một thái độ tích cực trong ứng xử nghề nghiệp khi sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống hàng ngày.

7. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

7.1 *Phương pháp giảng dạy*: thuyết trình, diễn giải, thảo luận, làm việc theo nhóm

7.2 *Phương tiện giảng dạy*:

- Phần , bảng, máy chiếu, loa , đài

- Giáo trình *New English File – Pre-intermediate*, Workbook

8. **Thang điểm đánh giá**: thang điểm 10 (từ 0 đến 10) , làm tròn đến một chữ số thập phân

9. **Phương pháp và nội dung đánh giá** (Theo qui chế đào tạo hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 493/ QĐ- ĐHTC-QTKD ngày 21/5/2013 của Hiệu trưởng trường ĐH TC-QTKD)

- Thái độ, chuyên cần (trọng số 10%)

- Tham dự kiểm tra: Số bài kiểm tra thường xuyên (trọng số 10%) và kiểm tra giữa học phần (trọng số 10%); hình thức kiểm tra do Bộ môn, khoa thống nhất quy định.

- Tham dự kì thi kết thúc học phần (trọng số 70%): hình thức thi trắc nghiệm và vấn đáp

10. Tài liệu học tập và tham khảo

10. 1 Tài liệu bắt buộc: giáo trình *New English File – Pre-intermediate*

10. 2 Tài liệu tham khảo: *Grammar in use* (Raymond Murphy), *New English File – Pre-intermediate teacher's book*, *New English File – Pre-intermediate workbook*, ...

11. Nội dung chi tiết học phần

UNIT 1

A. Who's who?

1. Introduce yourself (p.4)

2. Getting to know each other (p.4)

3. Grammar: Word order in questions

4. Listening and speaking (self-study)

5. Classroom language (Vocabulary Bank p.144)

6. Pronunciation (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p. 4-5)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate Grammar Bank 1A (p.126-127);
(Vocabulary Bank p.144) - Workbook (p.4-5)

B. Who knows you better?

1. Vocabulary: *Family and personality adjectives*

2. Reading: Who knows you better, your family or your friends?

3. Grammar: The simple present

4. Listening

5. Pronunciation (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.6-7)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :
Vocabulary Bank (p.145), Grammar Bank 1B (p.126-127)
- Work book (p.6-7)

C. At the Moulin Rouge

1. Vocabulary: The body (Vocabulary Bank p.146)

2. Pronunciation (self-study)

3. Grammar: The present continuous

4. Listening (self-study)

5. Speaking: Prepositions of place (p. 9)

In, on, at, in front of, next to, ...

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.8-9)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Vocabulary Bank (p.146), Grammar Bank 1C (p.126-127)
- Workbook (p.8-9)

D. The Devil's dictionary

- 1. Reading: The Devil's dictionary**
- 2. Grammar: Defining relative clauses**
- 3. Listening (self-study)**
- 4. Vocabulary: Paraphrasing (p.11)**
- 5. Speaking (self-study)**
- 6. Pronunciation (self-study)**

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.10-11)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Grammar Bank 1D (p.126-127).
- Workbook (p.10-11)

E. Practice

- 1. Practical English:**
- 2. What do you remember?**
- 3. Revise and Check: What can you do?**
- 4. Speaking:**

Describe and introduce about yourself

5. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.14-15)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Describing one of your friends or relatives – writing p.13 (Students' book)

UNIT 2

A. Right place, wrong time

1. Vocabulary: holiday (Vocabulary Bank p.147)

Words about holiday and music

- 2. Reading: In the right place ... but at the wrong time!**
- 3. Grammar: The simple past with Ordinary verbs (revision)**
- 4. Pronunciation (self-study)**
- 5. Listening (self-study)**

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.16-17)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :

Vocabulary Bank (p.147), Grammar Bank 2A (p.128-129)

- Workbook (p.13-14)

B. A moment in time

1. Grammar: The past continuous

2. Reading and listening

3. Preposition of place and time (p.19)

4. Pronunciation (self-study)

5. Speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.18-19)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Vocabulary Bank (p.148), Grammar Bank 2B (p.128-129)

- Workbook (p.15-16)

C. Fifty years of Pop

1. Vocabulary and speaking:

2. Grammar: Questions with and without auxiliaries

(Grammar Bank 2C, p.128)

3. Pronunciation (self-study)

4. Speaking (self-study)

5. Reading: Who wrote “Imagine”?

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.20-21)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :

Grammar Bank 2C (p.128-129)

- Workbook (p.17-18)

D. One October evening

1. Reading

2. Grammar: Adverbial clauses of sequences, causes, contrasts and concession

(Grammar Bank 2D, p.128)

3. Vocabulary: Verb phrases (p.23)

4. Pronunciation (self-study)

5. Speaking (self-study)

6. Listening (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.22-23)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :

Grammar Bank 2D (p.128-129)

- Workbook (p.19-20)

E. Practice

1. Practical English

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

4. Speaking:

- *(group): Why we should (not) go on holiday?*

- *(individual) Talk about one of your unforgettable holidays*

5. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p. 26-27)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Writing p.25 (Students' book)

UNIT 3

A. Where are you going?

1. Reading

2. Grammar: going to, the present continuous

a. Be going to

b. The present continuous

3. Listening (self-study)

4. Vocabulary: Look + prepositions (p.29)

5. Pronunciation (self-study)

6. Speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.28-29)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Grammar Bank 3A (p.130-131)

- Workbook (p.22-23)

B. The pessimist's phrase book

1. Grammar: Simple future (Grammar Bank 3B, p.130)

2. Vocabulary: opposite verbs (Vocabulary Bank, p.149, Verbs)

3. Pronunciation (self-study)

4. Listening

5. Speaking

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.30-31)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Vocabulary Bank (p.149), Grammar Bank 3B (p.130-131)

- Workbook (p.24-25)

C. I'll always love you

1. Reading: Promises, promises

2. Pronunciation (self-study)

3. Grammar

4. Vocabulary: Verbs+ back (p.33)

5. Speaking (self-study)

6. Song (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.32-33)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :

Grammar Bank 3C (p.130-131)

- Workbook (p.26-27)

D. I was only dreaming

1. Reading and listening

2. Grammar: review of tenses (Grammar Bank 3D, p.130)

3. Pronunciation (self-study)

4. Speaking (self-study)

5. Vocabulary: Verbs + prepositions (p.35)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.34-35)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :

Grammar Bank 3D (p.130-131)

- Workbook (p.28-29)

E. Practice

1. Practical English:

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do

4. Speaking:

- *Talk about your future plan*

(*Students have read and done writing- p.37*)

5. Comments and feedback

Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.38-39)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Writing p.37 (Students' book)

Test 1+ comment (1period)

UNIT 4

A. From rags to riches (p.40)

1. Reading and Vocabulary

2. Pronunciation (self-study)

3. Listening (p. 41)

4. Grammar: Present perfect and simple past (revision)

a. Present perfect

b. Simple past

5. Speaking

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.40-41)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :
Vocabulary Bank (p 150), Grammar Bank 4A (p.132-133)
- Workbook (p.31-32)

B. Family conflicts

1. Vocabulary: Verb phrases

2. Grammar: review of the present perfect

3. Pronunciation and speaking (self-study)

4. Reading: Problems with your teenage children (p.43)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.42-43)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :
Grammar Bank 4B (p.132-133)
- Workbook (p.33-34)

C. Faster, faster

1. Grammar: Comparison (Grammar Bank 4C, p.132)

2. Pronunciation (self-study)

3. Reading and Vocabulary

4. Listening and speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.44-45)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate :
Grammar Bank 4C (p.132-133)
- Workbook (p.35-36)

D. The world's friendliest city

1. Reading and listening

2. Grammar: Superlative + ever+ present perfect (Grammar Bank 4D, p.132)

3. Vocabulary: opposite adjectives (p.47)

(Vocabulary Bank- adjectives, p .145)

4. Pronunciation (self-study)

5. Speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.46-47)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Vocabulary Bank (p.145), Grammar Bank 4D (p.132-133)
 - Workbook (p.37-38)

E. Practice

1. Practical English:

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

4. Speaking:

Describing your house or flat

3. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.38-39)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Writing p.49 (Students' book)

UNIT 5

A. Are you a party animal?

1. Speaking

2. Grammar: Verbs + To V

3. Reading and listening

4. Vocabulary : Verbs + To V

5. Pronunciation and speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.52-53)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Vocabulary Bank (p.154), Grammar Bank 5A (p.134-135)
 - Workbook (p.40-41)

B. What makes you feel good? (p.54-55)

1. Reading

2. Grammar: Verbs + V- ing

3. Pronunciation (self-study)

4. Vocabulary and speaking (Vocabulary Bank- verb forms, p.154)

5. Listening (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.54-55)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Vocabulary Bank (p.154), Grammar Bank 5B (p.134-135)
- Workbook (p.42-43)

C. How much can you learn in a month?

- 1. Grammar: have to, don't have to, must, mustn't**
 - 2. Pronunciation (self-study)**
 - 3. Reading and listening**
 - 4. Speaking (self-study)**
 - 5. Vocabulary: Modifiers: *very, quite, really, extremely, a bit, a little bit, a little, ...***
- Tài liệu bắt buộc: -New English File – Pre-intermediate (p.56-57)
 - Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate : Grammar Bank 5C (p.134-135)
 - Workbook (p.44-45)

D. The name of the game

1. Vocabulary and Speaking

Vocabulary: *sports and prepositions of movement*

2. Grammar: Expressing movement

3. Pronunciation (self-study)

4. Reading and speaking: Your most exciting sporting moments – p.59

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.58-59)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate: Vocabulary Bank (p.148), Grammar Bank 5D (p.134-135)
- Workbook (p.46-47)

E. Practice:

1. Practical English:

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

2. Speaking:

- *Talk about your hobbies*
- *Talk about the benefits and dangers of playing sports*

3. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.62-63)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

writing p. 61 (Students' book)

UNIT 6

A. If something bad can happen, it will

1. Grammar: Conditional type 1:

2. Vocabulary: *Confusing verbs* (Vocabulary Bank- Verbs p.149)

3. Reading: - Murphy's law (p. 65)

4. Pronunciation (self-study)

5. Speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.64-65)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate: Vocabulary Bank
(p.149), Grammar Bank 6A (p.136-137)
- Workbook (p.49-50)

B. Never smile at a crocodile

1. Speaking and listening

2. Grammar: Conditional type 2

3. Pronunciation (self-study)

4. Vocabulary: animals

5. Speaking

6. Reading: Nature's perfect killing machine (p.67)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.66-67)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate: Vocabulary Bank
(p.151), Grammar Bank 6B (p.136-137)
- Workbook (p.51-52)

C. Decisions, Decisions

1. Speaking (p.68)

2. Grammar: may might, should, shouldn't (Grammar Bank 6C, p.136)

3. Pronunciation and speaking (self-study)

4. Reading: How to make decisions

5. Vocabulary: *noun formation*

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.68-69)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 6C (p.136-137)
- Workbook (p.53-54)

D. What should I do?

1. Listening and reading

2. Grammar: Should, shouldn't (Grammar Bank 6D, p.136)

3. Pronunciation and speaking (self- study)

4. Writing and speaking

5. Vocabulary: get

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.70-71)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Vocabulary Bank (p.152), Grammar Bank 6D (p.136-137)

- Workbook (p.55-56)

E. Practice:

1. Practical English:

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

4. Speaking:

-Talk about your country

5. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.74-75)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

writing p.73(Students' book)

Test 2+ comment (1 period)

UNIT 7

A. Famous fears and phobias

1. Reading and Vocabulary

2. Grammar: The present perfect (Grammar Bank 7A, p.138)

3. Listening (self-study)

4. Pronunciation (self-study)

5. Speaking

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.76-77)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Grammar Bank 7A (p.138-139)

- Workbook (p.58-59)

B. Born to direct

1. Vocabulary and pronunciation

2. Reading and speaking: Hitchcock or Tarantino?

3. Grammar: Present perfect or past simple?

a. Present perfect

b. Past simple

4. Speaking: talk about a member of your family (p.79)

5. Listening (self -study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.78-79)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 7B (p.138-139)
- Workbook (p.60-61)

C. I used to be rebel

1. Reading: A famous rebel – but was he really?

2. Grammar: Used to

3. Listening

4. Pronunciation (self -study)

5. Vocabulary: School subjects

6. Speaking (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.80-81)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 7C (p.138-139)
- Workbook (p.62-63)

D. The mothers of invention

1. Listening

2. Grammar: Passive voice (Grammar Bank 7D, p. 138)

3. Reading and Vocabulary

a. Vocabulary: *distinguish between invent, discover, explore, ...*

b. Reading: - Did you know?

4. Pronunciation (self- study)

5. Speaking (self- study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.82-83)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 7D (p.138-139)
- Workbook (p.64-65)

E. Practice

1. Practical English: Writing

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

4. Speaking:

- *Talk about one of your unforgettable experiences*
 - *Describe one of the famous building in your town/ city/ country.*
- (*Students have read and done writing, p.85*)

3. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.85-87)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

writing section p.85 (Students' book)

UNIT 8

A. I hate weekend (p.88)

1. Reading

2. **Grammar:** Something, nothing, anything (Grammar Bank 8A, p.140)

3. Pronunciation (self- study)

4. **Vocabulary:** *Adjectives ending -ed and-ing*

5. Speaking (self-study)

6. Listening (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p. 88-89)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Grammar Bank 8A (p.140-141)

- Workbook (p.67-68)

B. How old is your body?

1. Reading

2. **Grammar:** quantifiers, too, not enough (Grammar Bank 8B, p .140)

3. Pronunciation (self-study)

4. Speaking

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.90-91)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Grammar Bank 8B (p.140-141)

- Workbook (p.69-70)

C. Waking up is hard to do

1. Vocabulary

2. **Grammar:** word order of phrasal verbs (Vocabulary Bank, p.153)

3. Reading

4. Listening and speaking (self-study)

5. Pronunciation (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p. 92-93)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate: Vocabulary bank (p.153), Grammar Bank 8C (p.140-141)
- Workbook (p.71-72)

D. “I’m Jim.” “so am I”

1. Listening

2. Grammar: Echo- statements (Grammar Bank 8D, p.140)

3. Reading and vocabulary (p.95)

4. Pronunciation (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.94-95)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 8D (p.140-141)
- Workbook (p.73-74)

E. Practice:

1. Practical English

2. What do you remember?

3. Revise and Check: What can you do?

4. Speaking:

Talk about the good sides and bad sides of the weekend

5. Comments and feedback

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.98-99)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
writing p.97 (Students’ book)

UNIT 9

A. What a week!

1. Speaking and reading

2. Grammar: past perfect

3. Pronunciation (self-study)

4. Vocabulary: Adverbs (p.101)

5. Speaking: (self-study)

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.100-101)
- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:
Grammar Bank 9A (p.142-143)
- Workbook (p.76 -77)

B. Then he kissed me**1. Speaking and listening****2. Grammar: Reported speech (Grammar Bank 9B, p. 142)****3. Vocabulary: “ say, tell and ask ” –p. 103****4. Pronunciation (self-study)****5. Speaking: (self-study)**

- Tài liệu bắt buộc: - New English File – Pre-intermediate (p.102-103)

- Tài liệu tham khảo: - New English File – Pre-intermediate:

Grammar Bank 9B (p.142-143)

- Workbook (p.78-79)

C. Review + test 3 (2periods)**12. Phân bổ thời gian: (theo bài)**

Nội dung	Phân bổ thời gian				Tổng cộng
	Lý thuyết	Thực hành	Bài tập thảo luận	Tự học, tự nghiên cứu	
Unit 1	4		1	10	15
Unit 2	4		1	10	15
Unit 3	4		1	10	15
Unit 4	4		1	10	15
Unit 5	4		1	10	15
Unit 6	4		1	10	15
Unit 7	4		1	10	15
Unit 8	4		1	10	15
Unit 9	4		1	10	15
Tổng số	36		9	90	135

13. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể (3 tín chỉ)**Tuần 1:****Unit 1**

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	1A. Who's who? 1. Introduce yourself	- New English File – Pre-	

		2. Getting to know each other 3. Grammar: Word order in questions 3. Classroom language 1B. Who knows you better? 1. Vocabulary 2. Reading: Who knows you better, your family or your friends? 3. Grammar: The simple present 4. Listening 1C. At the Moulin Rouge 1. Vocabulary: the body 2. 2. Grammar: The present continuous 3. Speaking: Prepositions of positions	intermediate page 4-5 G.B p 126, 1A- 127 -New English File – Pre- p(6-7) V B (p145) GB 1B (p126), 1B- 127, Work book (p6-7) -New English File – Pre- (p8-9) VB (p146) GB 1C (p126), 1C- 127, Work book (p8-9)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	1. A, B, C. Pronunciation 1C. Listening	Students' book (p1-9)	

Tuần 2:

Unit 1+2

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
,	3	1D. The Devil's dictionary 1. Reading: The Devil's dictionary 2. Grammar: Defining relative clauses 3. Vocabulary: Paraphrasing (p11)	- Students' book (p 10-11) GB: p126 , VB: p144	

		1E. Revise and check 1. Practical English: Writing 2. What do you remember? 3. What can you do? 4. Speaking: 5. Comments and feedback 2A. Right place, wrong time 1. Vocabulary: holiday <i>Words about holiday and music</i> 2. Reading: In the right place ... but at the wrong time! 3. Grammar: The simple past with Ordinary verbs (revision)	- Students' book p14-15 - Students' book (p16-17), VB:p147, Work book p13-14	
Tự học, tự nghiên cứu	6	1.C. Pronunciation 1. D. Speaking 1.C. Listening 2.A. Pronunciation 2.A. Listening	Students' book p10-17	

Tuần 3:

Unit 2

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	2B. A moment in time 1. Grammar: The past continuous 2. Reading 3. Preposition of place and time	- New English File (p 18-19,VB: (p148), GB: 2b (p128), 2B-129 - Workbook (p15-16)	

		2C. Fifty years of Pop 1. Vocabulary and speaking: 2. Grammar: Questions with and without auxiliaries 3. Reading: Who wrote “Imagine”?	- New English File – Pre- p 20-21 GB: 2C (p128), 2C-129, Workbook (p17-18)	
		2D. One October evening 1. Reading 2. Grammar: Adverbial clauses of sequences, causes, contrasts and concessions 3. Vocabulary: Verb phrases	- New English File – pre- (p22-23), G B: 2D (p128), 2D-129, Workbook (p19-20)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	2C. Pronunciation (self-study) 2C. Speaking (self-study) 2D. Pronunciation (self-study) 2D. Speaking (self-study) 2D. Listening (self-study)		

Tuần : 4

Unit: 2+3

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	E. Practice 1. Practical English: Writing 2. What do you remember? 3. What can you do? 4. Comments and feedback	New English File – Pre-intermediate p 26- 27	

		3A. Where are you going? 1. Reading 2. Grammar: going to, the present continuous 3. Vocabulary: Look + prepositions 3B. The pessimist's phrase book 1. Grammar: Simple future: 2. Vocabulary: <i>opposite verbs</i> 3. Listening	- New English File – Pre-intermediate p28-29; GB (p130), 3A-131, Workbook (p22-23) - New English File – Pre-intermediate p 30-31, VB (p149) G B 3B (p 130-131), Workbook (p24-25)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	3A. Pronunciation, listening, speaking 3B. Pronunciation , speaking		

Tuần 5 :

Unit 3

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	3C. I'll always love you 1. Reading: Promises, promises 2. Grammar: 3. Verbs+ back (p33)	- New English File – Pre-intermediate p 32-33, Grammar Bank 3C (p 130-131), Workbook (p26-27)	

		3D. I was only dreaming 1. Reading and listening 2. Grammar: review of tenses 3. Vocabulary: Verbs + prepositions (p35) E. Practice 1. Practical English: Writing 2. What do you remember? 3. What can you do? 4. Speaking 5. Comments and feedback	- New English File – Pre- p 34-35, GB: 3D (p 130), 3D-131, Workbook (p28-29) - New English File – Pre- p 38-39	
Tự học, tự nghiên cứu	6	3C. Pronunciation 3C. Speaking, song 3D. Pronunciation 3D. Speaking		

Tuần 6:

Unit 4:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	4A. From rags to riches 1. Reading and Vocabulary 2. Listening 3. Grammar: Present perfect and simple past (revision) 4. Speaking	- New English File – Pre- p 40-41, VB (p 150), GB 4A (p132 -133),	

		4B. family conflicts 1. Vocabulary: Verb phrases 2. Grammar: review of the present perfect 3. Reading: Problems with your teenage children 4C. Faster, faster 1. Grammar: Comparison 2. Reading and Vocabulary	Workbook (p31-32) - New English File – Pre- p 42-43 GB 4B (p132-133), Workbook (p33-34) - New English File – Pre-intermediate page 44-45, GB 4C (p132-133), Workbook (p35-36)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	4A. Pronunciation (self-study) 4B. Pronunciation and speaking 4C. Pronunciation 4C. Listening and speaking (self-study)		

Tuần 7:

Unit 4+5:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	4D. The world's friendliest city 1. Reading and listening 2. Grammar: Superlative + ever + present perfect 3. Vocabulary: opposite adjectives	New English File – Pre- p 46-47; VB: (p145), GB 4D (p132-133),	

		4E. Practice 1. Practical English: Writing 2. What do you remember? 3. What Can you do? 4. Speaking: 5. Comments and feedback 5. A: Are you a party animal? 1. Speaking 2. Grammar: uses of the infinitive with "to" 3. Reading and listening 4. Vocabulary: Verbs + infinitive	Workbook (p37-38) - New English File – Pre- page 38-39 - New English File – Pre- p 52-53 V B: (p154), GB 5A (p134-135), Workbook (p40-41)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	4D. Pronunciation 4D. Speaking 5A. Pronunciation and speaking (self-study)		

Tuần8 :

Unit 5:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	B. What makes you feel good? - 1. Reading 2. Grammar: Verbs + Ving 3. Vocabulary and speaking (VB verb forms, p 154)	New English File – Pre- page 54-55 V Bank (p154), GB 5B (p134-135),	

		C. How much can you learn in a month? 1. Grammar: have to, don't have to, must, mustn't 2. Reading and listening 3. Vocabulary: Modifiers: <i>very, quite, really, extremely, a bit, a little bit, a little, ...</i> D. The name of the game 1. Vocabulary and Speaking 2. Grammar: Expressing movement 3. Reading and speaking: Your most exciting sporting moments	Workbook (p42-43) - New English File – Pre- page 56-57, GB 5C (p134-135), Workbook (p44-45) - New English File – Pre- page 58-59, VB (p148), GB 5D (p134-135), Workbook (p46-47)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	5B. Pronunciation (self-study) 5B. Listening (self-study) 5C. Speaking (self-study) 5C. Pronunciation (self-study) 5D. Pronunciation (self-study)		

Tuần 9 :

Unit 5+ 6:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	5E. Practice 1. Practical English 1. What do you remember? 3. What can you do?	- New English File – Pre- p 62-63	

		4. Speaking: 5. Comments and feedback 6A. If something bad can happen, it will 1. Grammar: Conditional type 1 2. Vocabulary: <i>Confusing verbs</i> 3. Reading: - Murphy's law B. Never smile at a crocodile 1. Speaking and listening 2. Grammar : Conditional type 2 3. Vocabulary: animals 4. Speaking 5. Reading	- New English File – Pre- p 64-65, VB (p149), GB 6A (p136-137), Workbook (p49-50) - New English File – Pre- p 66-67, VB(p151), GB 6A (p136-137), Workbook (p51-52)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	6A.Pronunciation (self-study) 6A. Speaking (self-study) 6B. Pronunciation (self-study)		

Tuần 10:

Unit 6:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	C. Decisions, Decisions 1. Speaking: 2. Grammar: may might, should, shouldn't	- New English File – Pre- (page 68-69),	

		3. Reading: How to make decisions 4. Vocabulary: <i>noun formation</i> D. What should I do? 1. Listening and reading 2. Grammar: Should, shouldn't 3. Writing and speaking 4. Vocabulary: get E. Practice: Revise and check 1. What do you remember, Revise and Check 2. Speaking: 3. Comments and feedback	G B 6C (p136-137), Workbook (p53-54) - New English File – Pre- p 70-71 VB (p152), GB 6D (p136-137), Workbook (p55-56) - New English File – pre- page 74- 75	
Tự học, tự nghiên cứu	6	6C. Pronunciation and speaking 6D. Pronunciation and speaking		

Tuần11:

Unit 7+test:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	Test 2+ comments (1 period) 7A. Famous fears and phobias 1. Reading and Vocabulary 2. Grammar: The present perfect (GB 7A p138) 3. Speaking	- New English File – Pre- p76-77 GB 7A (p138-139),	

		B. Born to direct 1. Vocabulary and pronunciation 2. Reading and speaking: Hitchcock or Tarantino? 3. Grammar: present perfect or past simple? 4. Speaking	Workbook (p58-59) - New English File – Pre- p78-79 GB 7B (p138-139), Workbook (p60-61)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	7A. Listening (self-study) 7A. Pronunciation (self-study) 7B. Listening (self -study)		

Tuần 12 :

Unit 7:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	C. I used to be rebel 1. Reading 2. Grammar: Used to 3. Listening 4.Vocabulary: School subjects D. the mothers of invention 1. Listening 2. Grammar: Passive voice, 3. Reading and Vocabulary	- New English File – Pre- p 80-81 GB 7C (p138-139), Workbook (p62-63) - New English File – Pre (p 82-83) - GB 7D (p138-139), Workbook (p64-65)	

		E. Practice: Revise and check 1. Practical English 2. What do you remember? 3. What can you do? 4. Speaking 5. Comments and feedback	- New English File – Pre- p 86-87	
Tự học, tự nghiên cứu	6	7C. Pronunciation (self -study) 7C. Speaking (self-study) 7D. Pronunciation (self- study) 7D. Speaking (self- study)		

Tuần 13:

Unit 8:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	8A. I hate weekend 1. Reading 2. Grammar: Something, nothing, anything 3. Vocabulary: <i>Adjectives ending -ed and -ing</i> B. How old is your body? 1. Reading 2. Grammar 3. Speaking	- New English File – Pre- p88-89; GB 8A (p140-141), Workbook (p67-68) - New English File – Pre(p90-91) GB 8B (p140-141), Workbook (p69-70)	

		C. Waking up is hard to do 1. Vocabulary 2. Grammar: word order of phrasal verbs 3. Reading: Are you allergic to morning?	- New English File – Pre (p 92-93), Vocabulary Bank (p153), GB 8C (p140-141), Workbook (p71-72)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	8A. Pronunciation (self- study) 8A. Speaking (self-study) 8A. Listening (self-study) 8B. Pronunciation (self-study) 8C. Listening and speaking 8C. Pronunciation (self-study)		

Tuần 14:

Unit 8+9:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	8D. “I’m Jim.” “so am I” 1. Listening 2. Grammar: Echo- statements (GB 8D, p 140) 3. Reading and vocabulary (p95) E. Practice: Revise and check 1. Practical English: Writing 2. What do you remember 3. What can you do? 4. Speaking: 5. Comments and feedback	- New English File – Pre (p 94-95), GB 8D (p140-141), Workbook (p73-74) - New English File – Pre- page 98-99	

		9A. What a week! 1. Speaking and reading 2. Grammar: past perfect 3. Vocabulary: Adverbs (p101)	- New English File – Pre- (p 100-101), GB 9A (p142-143), Workbook (p76-77)	
Tự học, tự nghiên cứu	6	8D. Pronunciation 9A. Pronunciation 9A. Speaking		

Tuần 15 :

Unit 9+ Review:

Hình thức tổ chức dạy học	Số tiết tín chỉ	Nội dung chính	Tài liệu học tập	Ghi chú
Lý thuyết/ thực hành	3	9B. Then he kissed me 1. Speaking and listening 2. Grammar :Reported speech 3. Vocabulary C. Review + test 3 (2periods)	- New English File – Pre-(p 102-103) - GB 9B (p142-143), Workbook (p78-79) - New English File – pre-intermediate p 104-107	
Tự học, tự nghiên cứu	6	9B. Pronunciation (self-study) 9B. Speaking: (self-study)		